

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2020/HS-ST
Ngày 18 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp

Ông Lý Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở nhà văn hóa thôn N, xã Tr, huyện V, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2020/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Leo Văn P1, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 03 tháng 02 năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ (trước đây là Thôn C), xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Leo Văn C, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Tạ Thị L, sinh năm 1964 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị P2, sinh năm 1983, con: Chưa có; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 30-6-2020, bị tạm giam từ ngày 03-7-2020 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Mạnh Q; vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Văn B; vắng mặt.
3. Chị Đặng Thị H; vắng mặt.

4. Anh Lê Quốc T; vắng mặt.

5. Anh Thái Đình T; vắng mặt.

Người chứng kiến: Anh Đường Đình L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2020 do biết có nhiều người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nên Leo Văn P1 đã lập tài khoản Wechat tên “Xe Trung Việt”, tài khoản zalo tên “P1 xe Trung Việt” và đăng tải nội dung “Nhận đưa đón khách Trung - Việt an toàn, đưa đón tận nơi, liên hệ số điện thoại 0332.471.***”. Sau đó có một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0865.004.*** (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) gọi điện thoại cho Leo Văn P1 bảo nếu có khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì đưa đến khu vực cửa khẩu N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ông ta sẽ đón và đưa khách đi theo đường mòn, chi phí là 2.600 nhân dân tệ/người, tiền công trả cho Leo Văn P1 là 100 nhân dân tệ/người, Leo Văn P1 đồng ý.

Ngày 27/6/2020 Lê Quốc T có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê nên có nhắn tin qua mạng xã hội Zalo hỏi người đàn ông tên M1 (không rõ họ, địa chỉ) là người Lê Quốc T quen từ trước ở bên Trung Quốc do trước đó Lê Quốc T đã có lần sang Trung Quốc làm thuê. Lê Quốc T hỏi M1 có biết ai đưa người đi Trung Quốc không, thì được M1 cho tài khoản Wechat “Xe Trung Việt” của Leo Văn P1 để liên hệ và M1 cho Lê Quốc T biết chi phí để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc khoảng 2.400 nhân dân tệ đến 2.600 nhân dân tệ. Ngày 28/6/2020 Lê Quốc T đến nhà cậu ruột là Thái Đình T chơi, tại đây Lê Quốc T cho Thái Đình T biết đã liên hệ được người đưa Lê Quốc T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê, nghe vậy Thái Đình T bảo Lê Quốc T cho Thái Đình T đi cùng, Lê Quốc T đồng ý. Sáng ngày 29/6/2020 M1 cho Lê Quốc T số điện thoại 0332.471.*** (số của Leo Văn P1), sau đó Lê Quốc T đã nhắn tin cho Leo Văn P1 qua Wechat tài khoản “Xe Trung Việt” hỏi việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Quảng Đông, Trung Quốc chi phí hết bao nhiêu, thì được Leo Văn P1 cho biết là 2.600 nhân dân tệ/người, đi theo đường Lạng Sơn, khi nào đi thì gọi cho Leo Văn P1, Lê Quốc T thông báo cho Leo Văn P1 biết ngày 30/6/2020 sẽ đến Lạng Sơn cùng một người nữa, Leo Văn P1 đồng ý.

Cùng ngày 29/6/2020 Đặng Thị H và Nguyễn Văn B từ Bắc Giang lên thành phố L để tìm người đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê; đến Lạng Sơn, Đặng Thị H nhắn tin hỏi Hoàng Văn M2 (là em trai chồng của Đặng Thị H, đang sinh sống ở Trung Quốc từ năm 1979) xem có người đưa sang Trung Quốc không, Hoàng Văn M2 trả lời có và cho Đặng Thị H biết chi phí là 2000 nhân dân tệ/người, nộp trước 1500 nhân dân tệ/người, sau đó Đặng Thị H cho Hoàng Văn M2 số điện thoại 0819.435.*** để Hoàng Văn M2 sắp xếp người đón.

Khoảng 09 giờ ngày 30/6/2020 Lê Quốc T cùng Thái Đình T đi xe khách từ Hà Tĩnh ra đến bến xe P, thành phố L, Lê Quốc T lấy điện thoại của Thái

Đình T gọi điện cho Leo Văn P1 thông báo đã đến nơi, Leo Văn P1 bảo “cứ chờ ở đó, Leo Văn P1 sẽ đến đón”. Sau đó Leo Văn P1 gọi điện thoại cho người đàn ông có số điện thoại 0865.004.*** thông báo có 02 khách đi sang Trung Quốc để ông ta đón, người đàn ông bảo Leo Văn P1 đón thêm hộ ông ta 02 khách để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và cho Leo Văn P1 số điện thoại 0819.435.*** để Leo Văn P1 liên lạc và bảo Leo Văn P1 thu hộ 3000 nhân dân tệ, Leo Văn P1 đồng ý.

Sau khi Leo Văn P1 nhận lời người đàn ông Trung Quốc đón thêm 02 khách hộ ông ta và có số điện thoại 0819.435.*** do ông ta gửi cho, Leo Văn P1 đã gọi điện thoại đến số 0819.435.*** thì gặp Đặng Thị H, Leo Văn P1 hỏi “có phải 02 người đi xuất cảnh sang Trung Quốc không, đang ở đâu?”, Đặng Thị H trả lời “phải và bảo đang ở đối diện Nhà nghỉ T, đường L, phường Đ, thành phố L” Leo Văn P1 bảo đợi ở đó sẽ qua đón.

Do trước đó đã quen Nguyễn Mạnh Q là lái xe taxi tuyến Lạng Sơn – Hữu Nghị nên Leo Văn P1 gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh Q bảo Nguyễn Mạnh Q đến đón Leo Văn P1 và đưa Leo Văn P1 lên thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 30 phút sau Nguyễn Mạnh Q lái xe ô tô INNOVA biển kiểm soát 12K – **** đến đón Leo Văn P1, sau khi lên xe Leo Văn P1 bảo Nguyễn Mạnh Q lái xe đến đường L, phường Đ, thành phố L để Leo Văn P1 đón Đặng Thị H và Nguyễn Văn B rồi tiếp tục đến bến xe P, thành phố L để Leo Văn P1 đón Lê Quốc T, Thái Đình T. Sau khi đón đủ 4 người (gồm Lê Quốc T, Thái Đình T, Đặng Thị H, Nguyễn Văn B) Leo Văn P1 bảo Nguyễn Mạnh Q lái xe lên thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trên đường đi Leo Văn P1 đã thu tiền của Lê Quốc T và Thái Đình T là 17.400.000 (mười bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng tương đương 5200 (năm nghìn hai trăm) nhân dân tệ, thu của Đặng Thị H và Nguyễn Văn B là 10.050.000 (mười triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tương đương 3000 (ba nghìn) nhân dân tệ, tổng cộng Leo Văn P1 thu được 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Quá trình đưa đón khách Leo Văn P1 không cho Nguyễn Mạnh Q biết mục đích đưa số khách này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 13 giờ ngày 30/6/2020 khi xe đến thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Leo Văn P1 bảo Nguyễn Mạnh Q lái xe vào đường cửa khẩu N, khi đến khu vực thôn L, thị trấn N, huyện V thì Leo Văn P1 bảo dừng xe cho khách xuống, mục đích chờ người đàn ông có số điện thoại 0865.004.*** đến đón 04 khách đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Phòng PA03, PA09 Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự phát hiện. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Leo Văn P1.

Quá trình tạm giữ và điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121839*** mang tên Leo Văn P1 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 29/7/2011;
- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 AR885*** mang tên Leo Văn P1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/5/2011;
- 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Leo Văn P1;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 437*** mang tên Nguyễn Thị P2, biển số đăng ký 36B*-19*.*.*;

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 190502***/XMTN.6 mang tên Nguyễn Thị P2;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng trắng, có số IMEI: 353282079275***, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc đen, có số IMEI: 35856607792***, đã qua sử dụng;

- Số tiền 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota INNOVA màu đen đã qua sử dụng biển kiểm soát 12K-1***.

Tại Bản Cáo trạng số 100/CT-VKS-P2, ngày 08/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Leo Văn P1 về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Leo Văn P1 khai nhận tại phiên tòa: Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo được tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc qua khu vực cửa khẩu N thuộc thôn N, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đối với 04 người. Bị cáo Leo Văn P1 đã thu của Lê Quốc T và Thái Đình T là 17.400.000 (mười bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng, thu tiền của Đặng Thị H và Nguyễn Văn B là 10.050.000 (mười triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng bị cáo Leo Văn P1 đã thu được số tiền 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền chi phí cho việc đưa đón người xuất cảnh trái phép; bị cáo chưa được hưởng lợi vì chưa giao được người xuất cảnh trái phép cho người đàn ông có số điện thoại 0865.004.*.*.*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị P2 trình bày tại phiên tòa: Bản thân chị và bị cáo Leo Văn P1 là vợ chồng; khi bị cáo tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép qua biên giới chị không biết. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị. Ngoài ra cũng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Leo Văn P1 phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Leo Văn P1 từ 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử :

- Trả lại cho bị cáo Leo Văn P1 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121839*** mang tên Leo Văn P1 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 29/7/2011; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 AR885*** mang tên Leo Văn P1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/5/2011; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Leo Văn P1.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị P2 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 437*** mang tên Nguyễn Thị P2, biển số đăng ký 36B*-19*.***;; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 190502***/XMTN.6 mang tên Nguyễn Thị P2.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng trắng, có số IMEI: 353282079275***, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc đen, có số IMEI: 35856607792***, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói cuối cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Leo Văn P1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Leo Văn P1 đã tổ chức cho 04 người xuất cảnh trái phép; bị cáo Leo Văn P1 đã thu tiền của Lê Quốc T và Thái Đình T là 17.400.000 (mười bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng, thu tiền của Đặng Thị H và Nguyễn Văn B là 10.050.000 (mười triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng bị cáo Leo Văn P1 đã thu được số tiền

27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền chi phí cho việc đưa đón người xuất cảnh trái phép qua biên giới và chưa được hưởng lợi vì chưa giao được người xuất cảnh trái phép cho người đàn ông có số điện thoại 0865.004.***. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Leo Văn P1 về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Việt Nam; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương trong lĩnh vực quản lý hành chính, với công tác nhân khẩu và sản xuất; bị cáo nhận thức được việc tổ chức cho người dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc mà không có giấy phép của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi mà bị cáo cố ý thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo, làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng...”. Qua các tài liệu điều tra, xác minh cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0865.004.*** là người liên lạc trao đổi và nhận đón người do bị cáo Leo Văn P1 đưa đến biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, do không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra, xác minh làm rõ. Số điện thoại 0865.004.*** người đàn ông sử dụng, qua xác minh là số thuê bao trả trước, đăng ký thông tin chủ thuê bao là Trần Thị H, sinh năm 1983 trú tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Cơ quan An ninh điều tra đã triệu tập ghi lời khai Trần Thị H, Trần Thị H khẳng định không được sử dụng số điện thoại trên, không cho ai mượn căn cước, chứng minh nhân dân để đăng ký số điện thoại trên, không quen biết ai là Leo Văn P1, do vậy không có cơ sở để xử lý.

[9] Đối với Nguyễn Mạnh Q là lái xe taxi đưa đón bị cáo Leo Văn P1 và khách của bị cáo Leo Văn P1, do Nguyễn Mạnh Q không biết việc bị cáo Leo

Văn P1 đưa đón khách lên thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mục đích để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nên không đề cập xử lý.

[10] Đối với người đàn ông tên M1 đã cho Lê Quốc T số tài khoản Wechat và số điện thoại của bị cáo Leo Văn P1 để Lê Quốc T liên hệ. Do không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra, xác minh làm rõ.

[11] Đối với Hoàng Văn M2 là người Đặng Thị H đã liên hệ đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Cơ quan An ninh điều tra tiến hành xác minh Hoàng Văn M2 đã sang Trung Quốc sinh sống từ năm 1979 không trở về địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể. Do chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Minh, nên sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau khi có căn cứ.

[12] Đối với Lê Quốc T, Thái Đình T, Đặng Thị H, Nguyễn Văn B là những người cùng mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê không có hưởng lợi gì từ việc Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép của bị cáo Leo Văn P1. Bản thân Lê Quốc T, Thái Đình T, Đặng Thị H, Nguyễn Văn B đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tương tự nên không đề cập xử lý về hình sự.

[13] Đối với việc bị cáo Leo Văn P1 khai nhận trong tháng 6/2020 đã 06 lần tổ chức cho 36 khách do không xác định được xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hiện nay chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Leo Văn P1 mà không có tài liệu, chứng cứ khác, nên không đề cập xử lý trong vụ án này mà tiếp tục điều tra xử lý sau khi có căn cứ.

[14] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota INNOVA màu đen đã qua sử dụng biển kiểm soát 12K-1*** Nguyễn Mạnh Q để chở khách, thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Thành C anh Nguyễn Thành C không biết việc Nguyễn Mạnh Q (bản thân Nguyễn Mạnh Q cũng không biết mình chở khách để xuất cảnh trái phép qua biên giới) chở khách xuất cảnh trái phép qua biên giới, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota INNOVA màu đen đã qua sử dụng biển kiểm soát 12K-1*** cho anh Nguyễn Thành C, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Trả lại cho bị cáo Leo Văn P1 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121839*** mang tên Leo Văn P1 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 29/7/2011; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 AR885*** mang tên Leo Văn P1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/5/2011; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Leo Văn P1 vì là giấy tờ tùy thân và cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[17] Trả lại cho chị Nguyễn Thị P2 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 437*** mang tên Nguyễn Thị P2, biển số đăng ký 36B*-19*.*; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số

190502***/XMTN.6 mang tên Nguyễn Thị P2 theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng trắng, có số IMEI: 353282079275***, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc đen, có số IMEI: 35856607792***, đã qua sử dụng vì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[19] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng là tài sản do phạm tội mà có theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[20] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[21] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Leo Văn P1 phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Leo Văn P1 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 30-6-2020.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Leo Văn P1 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 121839*** mang tên Leo Văn P1 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 29/7/2011; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 AR885*** mang tên Leo Văn P1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/5/2011; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Leo Văn P1.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị P2 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 437*** mang tên Nguyễn Thị P2, biển số đăng ký 36B*-19*.*; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 190502***/XMTN.6 mang tên Nguyễn Thị P2.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng trắng, có số IMEI: 353282079275***, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc đen, có số IMEI: 35856607792***, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 27.450.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13-10-2020).

5. Về án phí: Bị cáo Leo Văn P1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh